

**GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản được điều chỉnh, bổ sung tại Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định nội dung công tác giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 03 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, phê duyệt điều chỉnh bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Kon Tum đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;*

*Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Khánh Dương Măng Đen;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 20/TTr-STNMT ngày 17 tháng 01 năm 2022 (kèm theo hồ sơ và Báo cáo số 24/BC-HĐTĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Khánh Dương Măng Đen được thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại thôn Kon Gur, xã Đăk Blà, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (số hiệu quy hoạch BS15 -

*Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh).*

- Diện tích khu vực thăm dò: 11,3 ha, được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định tại Phụ lục 01 và Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép này.

- Thời hạn thăm dò: 48 tháng kể từ ngày ký Giấy phép.

- Khối lượng công tác thăm dò: Theo Đề án thăm dò đã được Hội đồng thăm định đề án thăm dò khoáng sản tỉnh Kon Tum thăm định và thông qua.

- Chi phí thăm dò: 498.407.622 đồng từ nguồn vốn hợp pháp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Khánh Dương Măng Đen (*đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước*).

**Điều 2.** Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Khánh Dương Măng Đen có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Lựa chọn tổ chức có năng lực tiến hành thi công công tác thăm dò theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện thăm dò khoáng sản theo phương pháp và khối lượng của Đề án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum chấp thuận và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Thông báo kế hoạch, thời gian triển khai thi công các hạng mục công tác thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum; chịu sự kiểm tra, giám sát quá trình thi công hệ phương pháp kỹ thuật và các hạng mục công việc của Đề án.

4. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng khoáng sản cho mục đích sử dụng. Trước khi tiến hành lấy mẫu, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thăm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum; nộp báo cáo vào Lưu trữ theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thăm định Đề án thăm dò khoáng sản tỉnh Kon Tum chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ, thủ tục, kết quả thăm định và tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, tài liệu gửi kèm theo hồ sơ trình duyệt.

- Hoạt động thăm dò khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Khánh Dương Măng Đen chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai công tác giám sát thi công Đề án thăm dò khoáng sản theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (*bản chính*);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (*bản chính*);
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Khánh Dương Măng Đen (*bản chính*);
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (*bản sao*);
- Cục Kiểm soát Hoạt động Khoáng sản Miền Trung (*bản sao*);
- Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò khoáng sản tỉnh (*bản sao*);
- UBND thành phố Kon Tum (*bản sao*);
- UBND xã Đăk Blá, thành phố Kon Tum (*bản sao*);
- Lưu: VT, NNTN.HVT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Sâm**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**Phụ lục 01**

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC  
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Giấy phép thăm dò số 33 /GP-UBND  
ngày 20 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN - 2000 Kinh tuyến trục 107 <sup>0</sup> 30', múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
	X (m)	Y (m)
1	1.588.980	561.514
2	1.588.991	561.571
3	1.588.889	561.642
4	1.588.929	561.700
5	1.589.000	561.658
6	1.589.044	561.793
7	1.588.834	561.888
8	1.588.714	562.112
9	1.588.554	561.992
10	1.588.712	561.984
11	1.588.716	561.745
12	1.588.656	561.698
13	1.588.888	561.495
<b>Diện tích: 11,3 (ha)</b>		